

ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI KAZAKHSTAN



BIỂU PHÍ LÃNH SỰ ĐỐI VỚI CÔNG DÂN VIỆT NAM

1. Hộ chiếu cấp mới: 70 USD/ quyền
2. Hộ chiếu phổ thông rút gọn: 35 USD
3. Gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ: 30 USD/ quyền
4. Bổ sung sửa đổi hộ chiếu: 15 USD/ quyền
5. Dán ảnh trẻ em vào hộ chiếu: 15 USD/quyền
6. Cấp lại hộ chiếu do để hỏng hoặc mất: 150 USD/quyền
7. Nhập quốc tịch: 250 USD/ người
8. Trở lại quốc tịch: 200 USD/ người
9. Thôi quốc tịch: 200 USD/ người
10. Đăng ký nuôi con nuôi, cấp phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài: 150 USD/ Trường hợp
11. Cấp giấy miễn thị thực: 10 USD/Chiếc
12. Cấp Giấy xác nhận đăng ký công dân: 05 USD/Bản
13. Đăng ký khai sinh: 05 USD/Bản
14. Đăng ký lại việc sinh: 15 USD/Bản
15. Đăng ký kết hôn: 70 USD/Bản
16. Đăng ký lại việc kết hôn: 120 USD/Bản
17. Đăng ký khai tử: 05 USD/Bản
18. Đăng ký lại việc khai tử: 15 USD/Bản
19. Đăng ký việc nhận cha mẹ con: 200 USD/Bản
20. Đăng ký việc thay đổi, cải chính, bổ sung các vấn đề đã đăng ký tại cơ quan đại diện Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và đã ghi chú vào sổ tại Cơ quan Đại diện Việt Nam: 30 USD/Bản.
21. Đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ, thay đổi giám hộ giữa công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài với nhau: 30 USD/Bản
22. Cấp bản sao trích lục: 05 USD/Bản
23. Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam trong thời gian cư trú ở nước ngoài: 10 USD/Bản
24. Cấp xác nhận về việc đã ghi vào Sổ các thay đổi theo bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Việt nam đối với: thay đổi quốc tịch; xác định cha, mẹ, con; xác định lại giới tính, nuôi con nuôi, ly hôn, hủy việc kết hôn trái pháp luật, công nhận việc kết hôn, công nhận việc giám hộ, tuyên bố hoặc hủy tuyên bố một người mất tích, đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự: 10 USD/Bản
25. Ghi vào sổ các việc: khai sinh, kết hôn, ly hôn, hủy việc kết hôn, giám hộ, nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi, khai tử và những thay đổi khác đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và cấp bản trích lục: 20 USD/Bản



26. Xác nhận đủ điều kiện kết hôn: 20 USD/Bản
27. Xác nhận người có quốc tịch Việt Nam, người có gốc Việt Nam, liên quan đến quốc tịch theo yêu cầu của công dân: 20 USD/Bản
28. Xác nhận một số nội dung cụ thể khác theo yêu cầu của công dân (còn sống, đang cư trú tại sở tại, hiện có con đang học ở trường A, B...): 20 USD/Bản
29. Hợp pháp hóa giấy tờ tài liệu: 10 USD/Bản
30. Chứng nhận lãnh sự: 10 USD/Bản
31. Công chứng, chứng thực các hợp đồng, giao dịch (trừ hợp đồng mua bán, chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng, cho, cho thuê, thế chấp bất động sản, hợp đồng góp vốn bằng bất động sản, văn bản thỏa thuận phân chia tài sản, văn bản khai nhận di sản là bất động sản): 50 USD/Bản
32. Chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản tiếng Việt, chứng thực chữ ký người dịch trong các văn bản dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài: 10 USD/Bản
33. Công chứng di chúc và việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ di chúc, công chứng văn bản từ chối nhận di sản: 20 USD/Bản
34. Cấp bản sao văn bản công chứng: 05 USD/Bản
35. Cấp hoặc chứng thực các giấy tờ và tài liệu liên quan đến tàu biển, tàu bay và các loại phương tiện giao thông khác: 15 USD/Bản
36. Xác minh giấy tờ, tài liệu (không kể tiền cước phí): 50 USD/Bản/Hồ sơ
37. Nhận lưu giữ di chúc, bảo quản giấy tờ, tài liệu và đồ vật có giá trị của công dân Việt Nam (bản hoặc hiện vật/năm): 20 USD/Bản/Hiện vật/năm
38. Tiếp nhận và vận chuyển đơn chứng cứ của công dân và pháp nhân Việt Nam cho các cơ quan có thẩm quyền trong nước (không kể tiền cước phí- bản hoặc hiện vật/năm): 10 USD/Bản
39. Quy định khác: Người Việt Nam định cư tại Trung Quốc, Lào, Thái Lan, hoặc Campuchia hoặc những nước đang có chiến tranh, dịch bệnh nguy hiểm đe dọa tính mạng, phí trong lĩnh vực đối ngoại bằng 20 % mức thu tương ứng với loại công việc quy định tại Biểu mức thu này.
40. Mức thu phí làm gấp/ngoài giờ, khi hồ sơ đã hợp lệ: Trong vòng 24 tiếng: bằng 150% mức thu tương ứng với loại công việc quy định tại Biểu mức thu này; Ngày hôm sau (36 tiếng): bằng 130% mức thu tương ứng với loại công việc quy định tại Biểu mức thu này; Ngoài giờ làm việc, ngoài giờ nhận hồ sơ, ngày nghỉ, ngày lễ: bằng 140% mức thu tương ứng với loại công việc quy định tại Biểu mức thu này.



VIETNAM EMBASSY IN KAZAKHSTAN

CONSULAR FILES AND FEE SCHEDULES FOR FOREIGNERS

1. CONSULAR LEGALIZATION FILES INCLUDE THE FOLLOWING DOCUMENTS:

- Consular legalization application form (attached)
- Documents requiring legalization (Documents already stamped with legalization by the Ministries of Foreign Affairs of Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan, and Georgia as per regulations)
- Photocopies of documents requiring legalization
- Processing time: 03-05 working days
- Legalization fee (10 USD/document)
- Express fee (If the client requires):
Complete the documents within 24 hours:150%. Complete the documents within 36 hours:130%. Complete the document within 24 hours:150%.
Complete the document outside of working hours: 140%.

2. THE VISA APPLICATION FILE INCLUDES THE FOLLOWING DOCUMENTS:

- Form for visa application (form attached)
- Passport + 01 photocopy of passport
- The approval letter from Vietnamese Immigration Department
- Processing time: 03-05 working days
- Visa fee: Varies depending on the type of visa (multiple entry or single entry), and the duration of stay (one month, three months, or one year...):
 - + Single entry: 25 USD
 - + Multiple entry: 3 months: 50 USD; 3 months-6 months: 95 USD; 6 months -1 year: 135 USD; 1 year-2 years: 145 USD; 2 years -5 years: 155 USD; Visa for children under 14 years-old: 25 USD
- Express fee (If the client requires):
Complete the documents within 24 hours:150%. Complete the documents within 36 hours:130%. Complete the document within 24 hours:150%.
Complete the document outside of working hours: 140%.

